

Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện cho nữ sinh viên học Giáo dục Thể chất 2 môn Bóng bàn tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Trần Bá Phúc*, Trần Anh Đức*

*ThS. Khoa Giáo dục Thể chất và Quốc phòng, Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh

Received: 23/7/2024; Accepted: 29/7/2024; Published: 5/8/2024

Abstract: In practice, the use of standard indicators to assess the training level for female students studying Physical Education in Table Tennis at Ho Chi Minh City Banking University is still limited. Through the use of scientific methods, the study has identified 10 indicators that have achieved consensus among experts, achieved high informativeness and reliability ($r \geq 0.8$ at $p \leq 0.05$) in assessing the training level for the research subjects. The study has developed a standard table and a scale with β , a comprehensive assessment score table and a 3-step process using a system of standards to assess the training level that is appropriate and scientific for the group of practical research subjects. The set of standards is qualified for practical application in the teaching process at the research unit and equivalent.

Keywords: Table tennis, assessment standards, female students, physical education.

1. Đặt vấn đề

Bóng bàn (BB) là môn thể thao cơ bản của hệ thống thể thao và là một môn học cơ bản trong các chương trình Giáo dục thể chất (GDTC) tại trường học ở Việt Nam. Bóng bàn có hệ thống kỹ thuật và kỹ năng cơ bản đơn giản, phù hợp với đặc điểm thể chất của người Việt Nam. Bóng bàn được đưa vào trường học từ sớm ở Việt Nam, tuy nhiên mức độ phát triển của môn học này phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố (như giảng dạy, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên,...). Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy cho đối tượng thực tế cần có các nghiên cứu sâu vào các nhóm đối tượng chuyên môn cụ thể.

Tiêu chuẩn đánh giá từng đối tượng được xác định là yêu cầu bắt buộc để xác định mức độ hoàn thành mục tiêu giáo dục. Thông qua đánh giá thực tiễn, nghiên cứu nhận thấy, quá trình đánh giá sinh viên (SV) học GDTC 2 môn Bóng bàn tại Trường ĐH Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh còn nhiều hạn chế, quá chú trọng vào đánh giá tổng thể, thiếu đánh giá quá trình. Vì vậy, mục tiêu của nghiên cứu này là xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện bóng bàn cho cho nữ SV học môn GDTC 2 tại Trường ĐH Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo theo từng giai đoạn, qua đó nâng cao hiệu quả giảng dạy và kỹ năng bóng bàn của nữ SV học môn GDTC tại Trường ĐH Ngân

hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy cơ bản và tin cậy gồm: Phân tích tổng hợp tài liệu; Phỏng vấn; Quan sát sự phạm; Kiểm tra sự phạm; Thực nghiệm sự phạm; Toán thống kê.

2.2. Lựa chọn chỉ tiêu đánh giá trình độ tập luyện của nữ SV học GDTC 2 môn Bóng bàn tại Trường ĐH Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Sau khi sơ bộ chọn ra được 17 chỉ tiêu từ các tài liệu chuyên môn, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 22 nhà khoa học, huấn luyện viên, giảng viên bóng bàn,... Tất cả đều có thâm niên công tác ≥ 10 năm. Nội dung phỏng vấn là đánh giá mức độ quan trọng của các chỉ tiêu đánh giá trình độ tập luyện của nhóm đối tượng nghiên cứu với các mức độ lựa chọn: Rất quan trọng-5 điểm, quan trọng-3 điểm, ít quan trọng-1 điểm. Trước phỏng vấn, nghiên cứu quy định chỉ chọn những chỉ tiêu đạt $\Sigma_{điểm} \geq 85\%$. Kết quả thu được như bảng 2.1:

Kết quả ở bảng 2.1 cho thấy có 12 chỉ tiêu đạt số ý kiến $\geq 90.90\%$ và phù hợp với yêu cầu của nghiên cứu (đạt $\geq 85\%$ so với $\Sigma_{điểm}$). Vì vậy nghiên cứu đã chọn được 10 chỉ tiêu gồm: Hình thái gồm: test1-Chiều cao cơ thể, test2-chỉ số Quetelet; Chức năng: test3-Chỉ số công năng tim; Thể lực chung: test4-

Bảng 2.1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các chỉ tiêu đánh giá trình độ tập luyện của nữ SV học GDTC 2 môn Bóng bàn tại Trường ĐH Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (n=22)

TT	Chỉ tiêu	Rất quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng		Σ điểm	% của Σ điểm
		n	Điểm	n	Điểm	n	Điểm		
Hình thái cơ thể	Chiều cao cơ thể (cm)	20	100	2	6	-	-	106	96.36
	Cân nặng (kg)	10	50	10	30	2	2	82	74.54
	Chỉ số Quetelet (g/cm)	20	100	2	6	-	-	106	96.36
	Dài sải tay - Cao (cm)	5	25	10	30	7	7	62	56.36
Chức năng cơ thể	Chỉ số công năng tim	22	110	-	-	-	-	110	100.00
	Dung tích sống (cm ³ /kg)	2	10	10	30	10	10	50	45.45
Thẻ lực chung	Chạy 30m XFC (S)	22	110	-	-	-	-	110	100.00
	Chạy 200M (S)	22	110	-	-	-	-	110	100.00
	Bật xa tại chỗ (cm)	21	105	1	3	-	-	108	98.18
	Nằm ngửa gấp bụng (lần)	8	40	10	30	4	4	74	67.27
	Di chuyển 3m nhặt bóng 21 quả (S)	8	40	10	30	4	4	74	67.27
	Ném cầu lông ra xa (m)	20	100	2	6	-	-	106	96.36
Năng lực chuyên môn	Vụt bóng bàn ra xa (.)	10	50	10	30	2	2	82	74.54
	Nhảy dây đơn 45'' (lần)	21	105	1	3	-	-	108	98.18
	Di chuyển nhặt đôi bóng 15 quả (S)	20	100	2	6	-	-	106	96.36
	Đánh bóng vào tường 1' (quả)	90	100	20	6	-	-	106	96.36
	Chạy con thoi 8x8m (S)	5	25	7	21	10	10	56	50.10

Chạy 30m XFC, test5-chạy 200m, test6-bật xa tại chỗ; Năng lực chuyên môn: test7-Ném cầu ra xa, test8-nhảy dây đơn 45'', test9-di chuyển đôi bóng 15 quả, test10-đánh bóng vào tường 1 phút.

Thông qua kiểm nghiệm độ tin cậy (r=0.817→0.862) và tính thông báo (r=0.916→0.954) tại p≤0.05, như vậy các chỉ tiêu phù hợp yêu cầu khoa học cho việc đánh giá đối tượng nghiên cứu.

2.3. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện của nữ SV học GDTC 2 môn Bóng bàn tại Trường ĐH Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2.2. Bảng tiêu chuẩn và thang điểm đánh giá trình độ tập luyện cho nữ SV học GDTC 2 môn Bóng bàn tại Trường ĐH Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Chi tiêu	Loại kém		Loại yếu		Loại trung bình		Loại khá		Loại tốt	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Test1	<114,8	114,8	118,2	121,6	125	128,4	131,8	135,2	138,6	142
Test2	>344±45	344±45	344±40	344±35	344±25	344±25	344±20	344±15	344±10	344±5
Test3	>15,06	15,06	14,44	13,82	13,20	12,58	11,96	11,34	10,72	10,10
Test4	>8,11	8,11	7,77	7,44	7,10	6,76	6,42	6,08	5,74	5,4
Test5	>65,8	63,1	60,4	57,7	55	52,3	49,6	46,9	44,2	41,5
Test6	<120	120	125	130	135	140	145	150	155	160
Test7	<77	77	81	85	89	93	97	101	105	109
Test8	<4,5	4,5	4,7	4,9	5,1	5,3	5,5	5,7	5,9	6,1
Test9	<43,8	43,8	46,4	49,2	52	54,8	57,6	60,4	63,2	66
Test10	>43,8	43,8	42,2	40,6	39	37,4	35,8	34,2	32,6	31

Trên cơ sở khảo sát diễn biến và hệ số ảnh hưởng của các chỉ tiêu đánh giá trình độ tập luyện của nữ SV học GDTC 2 môn Bóng bàn tại Trường ĐH Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu căn cứ thang độ C và quy tắc ±2δ để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá và thu được kết quả như bảng 2.2:

2.4. Xây dựng bảng điểm đánh giá tổng hợp

Để thuận tiện cho việc phân loại và đánh giá tổng hợp trình độ tập luyện của nữ SV học GDTC 2 môn Bóng bàn tại Trường ĐH Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu đã lựa chọn vào các kết quả đã trình bày để xây dựng bảng điểm đánh giá tổng hợp và thu được bảng 2.3 như sau:

Bảng 2.3. Bảng điểm đánh giá tổng hợp

Phân loại	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
Các chỉ tiêu	<20 điểm	20→<40 điểm	40→<60 điểm; Không có chỉ tiêu kém	60→80 điểm; Không có chỉ tiêu yếu	≥80 điểm; Không có chỉ tiêu trung bình

2.5. Xây dựng quy trình kiểm tra đánh giá theo tiêu chuẩn đã xây dựng

Để có thể tiến hành đánh giá một cách thuận tiện và khoa học khi sử dụng tiêu chuẩn thang điểm đánh giá trình độ tập luyện của nữ SV học GDTC 2 môn Bóng bàn tại Trường ĐH Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh mà nghiên cứu đã xây dựng, cần tiến hành theo quy trình sau:

Bước 1. Phân đối tượng theo nhóm tuổi theo qui định phân nhóm tuổi trong đo lường thể thao;

Bước 2. Tổ chức cùng thời điểm cho các đối tượng kiểm tra tiến hành kiểm tra lần lượt và đúng phương pháp đối với các chỉ tiêu đánh giá trình độ tập luyện

để lấy số liệu đánh giá. Sau đó đối chiếu thành tích kiểm tra với bảng tiêu chuẩn thang điểm phân loại đánh giá trình độ tập luyện đã có thêm hệ số ảnh hưởng để xác định điểm đạt được ở mỗi chỉ tiêu.

Bước 3. Cộng điểm của các chỉ tiêu rồi đối chiếu bảng điểm đánh giá tổng hợp để xác định trình độ tập luyện, sau đó đánh giá sơ trường sơ đoán (mạnh, yếu) của từng đối tượng.

3. Kết luận

Thực tiễn việc sử dụng các chỉ tiêu tiêu chuẩn để đánh giá trình độ tập luyện cho nữ SV học GDTC môn Bóng bàn tại Trường ĐH Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh còn hạn chế. Thông qua sử dụng các phương pháp khoa học, nghiên cứu đã xác định được 10 chỉ tiêu đạt được sự đồng thuận của các chuyên gia, đạt được tính thông báo và độ tin cậy cao trong đánh giá trình độ tập luyện cho nữ SV học GDTC 2 môn Bóng bàn tại Trường ĐH Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh gồm: test1-Chiều cao cơ thể, test2-chỉ số Quetelet, test3-Chỉ số công năng tim, test4-Chạy 30m XFC, test5-chạy 200m, test6-bật xa tại chỗ, test7-Ném cầu ra xa, test8-nhảy dây đơn 45", test9-di chuyển đổi bóng 15 quả, test10-đánh bóng vào tường 1 phút. Nghiên cứu đã xây dựng được bảng tiêu chuẩn và thang điểm có thêm hệ số ảnh hưởng (β), bảng điểm đánh giá tổng hợp và quy trình 3 bước sử dụng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá trình độ

tập luyện phù hợp và khoa học cho nhóm đối tượng nghiên cứu thực tiễn. Bộ tiêu chuẩn đủ điều kiện để áp dụng thực tiễn cho quá trình giảng dạy tại đơn vị nghiên cứu và tương đương.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Alagich.R (1998), *Huấn luyện bóng đá hiện đại*, Dịch: Nguyễn Huy Bích, Phạm Anh Thiệu, NXB Thể dục thể thao Hà Nội.
- [2]. Aulic.I.V(1982), *Đánh giá trình độ tập luyện thể thao*, NXB Thể dục thể thao Hà Nội.
- [3]. Lê Văn Long (2010), *Tuyển tập nghiên cứu khoa học GDTC, Y tế trường học*, NXB TĐTT, Hà Nội.
- [4]. Lê Thanh (2004), *Giáo trình phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
- [5]. Phạm Ngọc Viễn, Phạm Quang, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Minh Ngọc, (2004), *Chương trình huấn luyện bóng đá trẻ 11-18 tuổi*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.

Nghiên cứu lựa chọn và đánh giá...(tiếp theo trang 276)

Từ kết quả thu được tại bảng 2.1 cho thấy: Sau thực nghiệm cả hai giai đoạn , sự khác biệt về trình độ SBC và SBCM của 02 nhóm đối tượng nghiên cứu có ý nghĩa thống kê với $t_{\text{tinh}} > t_{\text{bảng}} = 2.76 \rightarrow 3.21$ tại $p \leq 0.05$ ở giai đoạn 1 và $t_{\text{tinh}} > t_{\text{bảng}} = 2.35 \rightarrow 3.03$ tại $p \leq 0.05$ ở giai đoạn 2. Như vậy, qua quá trình thực nghiệm (thời điểm sau thực nghiệm) ở cả hai giai đoạn cho thấy trình độ SBC và SBCM của nam SV học GDTC 2 học kỳ 2 năm học 2023-2024 môn Karate-do tại Trường ĐH Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh thuộc NTN đã tăng đáng kể so với NĐC tại thời điểm trước thực nghiệm.

Như vậy, qua hai giai đoạn thực nghiệm, trình độ SBC và SBCM của nam SV học GDTC 2 học kỳ 2 năm học 2023-2024 môn Karate-do tại Trường ĐH Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh đã tăng rất đáng kể so với trước thực nghiệm (tại $p \leq 0.05$). Điều đó một lần nữa khẳng định giá trị của các bài tập phát triển SBC và SBCM mà nghiên cứu lựa chọn là đáng kể.

3. Kết luận

Trình độ SBC và SBCM của nam SV học GDTC 2 học kỳ 2 năm học 2023-2024 môn Karate-do tại Trường ĐH Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh còn nhiều hạn chế. Nghiên cứu thông qua sử dụng các phương pháp nghiên cứu tin cậy đã lựa chọn được

9 bài tập phát triển SBC, 13 bài tập SBCM và 05 test đánh giá trình độ sức bền phù hợp cho nhóm đối tượng nghiên cứu. Kết quả ứng dụng thực nghiệm các bài tập và test đánh giá thu được cho thấy NTN thu được trình độ sức bền tốt hơn hẳn so với NĐC với $t_{\text{tinh}} > t_{\text{bảng}} = 2.35 \rightarrow 3.21$ tại $p \leq 0.05$.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Vũ Việt Bảo (2010), *Giáo trình Karatedo chuyên ngành giáo dục thể chất*, (Lưu hành nội bộ Đại học Tôn Đức Thắng).
- [2]. Aulic.I.V(1982), *Đánh giá trình độ tập luyện thể thao*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
- [3]. Lê Văn Long (2010), *Tuyển tập nghiên cứu khoa học GDTC, Y tế trường học*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
- [4]. Lê Thanh (2004), *Giáo trình phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
- [5]. Phạm Ngọc Viễn, Phạm Quang, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Minh Ngọc, (2004), *Chương trình huấn luyện BĐ trẻ 11-18 tuổi*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2006), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, NXB Thể dục thể thao Hà Nội.